

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2025/DS-ST**
Ngày: 21/02/2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đức Tâm.

Ông Trương Văn Te.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 481/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1985. Nơi cư trú: 619, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: số D, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bà P và bà T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và đơn yêu cầu vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Do quen biết và ở gần nhà nên từ năm 2018 bà T đã tham gia chơi nhiều dây hụi do bà làm chủ hụi. Khi mới tham gia chơi hụi, bà T vẫn đóng hụi đầy đủ nhưng đến khoảng năm 2022, bà T hốt hụi nhưng không đóng hụi chết. Đến năm 2023, bà đã khởi kiện để yêu cầu bà T thanh toán số tiền hụi còn nợ đến kỳ tháng 4/2023. Tại bản án số 159/2023/ DS-ST ngày 02/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã xét xử buộc bà T trả cho bà số tiền hụi còn nợ tính

đến kỳ tháng 4/2023 mà bà đã trả cho các hội viên. Đến nay, bà tiếp tục yêu cầu bà T trả cho bà số tiền nợ hội còn lại đối với 04 dây hội, cụ thể:

- Dây 1: Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/01/2022, đến ngày 05/10/2023 mãn hội, gồm 21 phần, bà T tham gia 03 phần; đã tính tiền hội chết 16 tháng, còn nợ hội chết tính đến ngày mãn hội (ngày 05/10/2023) là 05 tháng với số tiền là: 6.000.000 đồng x 05 tháng = 30.000.000 đồng.

- Dây 2: Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/12/2021, đến ngày 15/10/2023 mãn hội, gồm 25 phần, bà T tham gia 02 phần, đã hót hội; đã tính tiền hội chết 19 tháng; còn nợ hội chết đến ngày mãn hội (ngày 15/10/2023) là 06 tháng với số tiền là: 2.000.000 đồng x 06 tháng = 12.000.000 đồng.

- Dây 3: Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/9/2022, đến ngày 10/3/2024 mãn hội, gồm 21 phần, bà T tham gia 02 phần, đã hót hội; đã tính tiền hội chết 10 tháng; còn nợ hội chết đến ngày mãn hội (ngày 10/3/2024) là 11 tháng với số tiền là: 2.000.000 đồng x 11 tháng = 22.000.000 đồng.

- Dây 4: Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/10/2022, đến ngày 25/10/2024 mãn hội, gồm 25 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hót hội; đã tính tiền hội chết 08 tháng; còn nợ hội chết đến ngày mãn hội (ngày 25/10/2024) là 17 tháng với số tiền là: 2.000.000 đồng x 17 tháng = 34.000.000 đồng.

Tổng cộng, số tiền nợ hội mà bà T còn nợ bà là 98.000.000 đồng nhưng bà chỉ yêu cầu bà T phải trả là 96.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi số tiền này. Do điều kiện công việc, bà xin vắng mặt trong vụ án. Bà cam kết không khiếu nại về sau.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, hồ sơ khởi kiện photo theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị P với bà Nguyễn Thị T là tranh chấp về hợp đồng góp hội. Bị đơn bà T có nơi cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng bị đơn bà T vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà T vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2; bà P có yêu cầu vắng mặt. Căn cứ theo quy

định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P và bà T.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo bản án số 159/2023/DS-ST ngày 02/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre có căn cứ xác định: Bà T có tham gia nhiều dây hụi do bà P là chủ hụi; bà T đã hốt hụi nhưng không đóng tiền hụi chết nên bà P đã một lần khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền hụi chết còn nợ tính đến tháng 4/2023. Đến nay, bà P tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ hụi còn lại đối với 04 dây hụi chưa mãn theo bản án số 159/2023/DS-ST ngày 02/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre là có căn cứ; số tiền nợ của 04 dây hụi cụ thể như sau:

- Dây 1: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/01/2022, đến ngày 05/10/2023 mãn hụi, gồm 21 phần, bà T tham gia 03 phần, đã hốt hụi và dây hụi đã mãn; đã tính tiền hụi chết 16 tháng, còn nợ hụi chết 05 tháng với số tiền là: $6.000.000 \text{ đồng} \times 05 \text{ tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$.

- Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/12/2021, đến ngày 15/10/2023 mãn hụi, gồm 25 phần, bà T tham gia 02 phần, đã hốt hụi và dây hụi đã mãn; đã tính tiền hụi chết 19 tháng; còn nợ hụi chết 06 tháng với số tiền là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} = 12.000.000 \text{ đồng}$.

- Dây 3: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/9/2022, đến ngày 10/3/2024 mãn hụi, gồm 21 phần, bà T tham gia 02 phần, đã hốt hụi và dây hụi đã mãn; đã tính tiền hụi chết 10 tháng; còn nợ hụi chết 11 tháng với số tiền là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng} = 22.000.000 \text{ đồng}$.

- Dây 4: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/10/2022, đến ngày 25/10/2024 mãn hụi, gồm 25 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt hụi và dây hụi đã mãn; đã tính tiền hụi chết 08 tháng; còn nợ hụi chết 17 tháng với số tiền là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} = 34.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng, số tiền nợ hụi mà bà T còn nợ bà P là 98.000.000 đồng. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt bộ tài liệu photo gồm các giấy hụi và bản án số 159/2023/DS-ST ngày 02/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre mà P cung cấp để chứng minh số tiền hụi mà bà T còn thiếu nhưng bà T không có ý kiến phản hồi; điều đó cho thấy bà T chưa thanh toán số tiền này cho bà P. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền hụi còn nợ là phù hợp theo Điều 16, 17, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phụng. Xét thấy, tổng số tiền bà T còn nợ bà P là 98.000.000 đồng nhưng bà P chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 96.000.000 đồng; xét yêu cầu này của bà P là tự nguyện, không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật, phù hợp theo Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.800.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 92, 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 16, 17, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị T chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ hội là 96.000.000 (Chín mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.800.000 (Bốn triệu tám trăm nghìn) đồng và bà T còn phải nộp số tiền này.

- Bà Nguyễn Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 2.400.000 (Hai triệu bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004382 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Huyền